

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2020
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Cường.

2. Bà Phạm Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 262/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-DS ngày 13/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tiểu khu VY, thị trấn NC, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tiểu khu VY, thị trấn NC, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân Đ xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/3/2018. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường. Quá trình chung sống đến tháng 10/2018 mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân: Ngay sau khi cưới, anh Đ đã thường xuyên nhạo báng, xúc phạm chị H.

gái, sau này anh có quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Ngày 23/10/2020 chị đã xuất trình cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh anh Đ đã nhắn tin cho nhiều bạn gái trên mức tình bạn. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị và anh Đ sống ly thân từ tháng 5/2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Hiện chị không có thai. Chị xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên xin được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân Đ có 1 con chung tên cháu là Nguyễn Hồng L, sinh ngày 05/10/2018, khi về nhà bố mẹ đẻ chị để ở thì chị đưa con chung là cháu Nguyễn Hồng L về nhà mẹ đẻ cùng với chị. Ngày 13/10/2020 bố mẹ anh Đ đã đến bên ngoại đưa cháu L về bên nội ở cho đến nay. Nguyên vọng của chị H sau khi ly hôn xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai đề ngày 16/10/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện NC. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Sau khi cưới xong, chị H ở nhà cùng bố mẹ chồng, còn anh phải ra trường tiếp tục theo học đại học. Sau khi học xong anh đi làm tại Công ty cổ phần y tế thông minh, có địa chỉ tại Tòa nhà Locogi 13 Lê Văn Lương, Thanh Xuân, Hà Nội cuối tuần anh lại về. Ngày 18/9/2020 chị H xin gia đình anh cho mẹ con về ngoại chơi khoảng nửa tháng. Sau khi ở ngoại về khoảng 2 ngày thì chị H lại xin về ngoại chơi tiếp, bố anh có nói "Mới về, giờ còn về làm gì nữa" chỉ có vậy thôi mà đến ngày 05/10/2020 chị H đưa con đi đâu hai bên gia đình nội - ngoại đều không ai biết. Đến ngày 12/10/2020 bên ngoại thông báo là mẹ con chị H đã về bên ngoại. Theo anh chị H bỏ đi cùng người đàn ông khác nhưng anh không có tài liệu, chứng cứ xuất trình cho Tòa án. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên xin được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con.

Về con chung: Anh và Chị Phạm Thị H có 1 con chung như chị H đã trình bày là đúng. Cháu đang ở với anh cùng ông bà nội từ ngày 13/10/2020 đến nay. Nguyên vọng của anh nếu phải ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Nếu phải ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 13/11/2020, bà Đồng Thị T là mẹ anh Đ ở Tiểu khu VY, thị trấn NC, huyện Nông Cống trình bày:

Anh Nguyễn Xuân Đ là con trai bà, có hộ khẩu thường trú tại Tiểu khu VY, thị trấn NC. Hiện nay anh đang làm việc ở Hà Nội, thứ 7, chủ nhật mới về. Gia đình bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo

cho anh Đ biết nhưng vì Tòa án triệu tập vào ngày làm việc nên anh Đ không về Tòa án để làm việc được.

Anh Đ và chị H tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, khi đó anh Đ còn đang học Đại học. Do chị H đã có thai nên hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới cho hai cháu. Sau khi cưới chị H ở nhà cùng gia đình bà, còn anh Đ tiếp tục theo học Đại học tại Hà Nội, thứ 7 chủ nhật cháu lại về. Khi chị H sinh con chủ yếu là bên nội chăm sóc. Quá trình chung sống vợ chồng không mâu thuẫn cãi nhau, kể cả chị H ở nhà cũng không có mâu thuẫn gì với gia đình nhà bà. Theo bà được biết nguyên nhân ly hôn là chị H cho rằng anh Đ không quan tâm đến mẹ con chị H, kể cả khi chị H sinh nở, những ngày lễ không về đưa vợ con đi chơi. Việc chị H bế con bỏ đi, hai bên gia đình nội - ngoại cũng đã đi tìm nhưng không thấy, sau này chị H tự đưa con về ngoại. Gia đình bên ngoại đã thông báo cho gia đình bên nội biết. Hai bên gia đình đã dàn xếp cho vợ chồng quay về nhưng không được nên ông bà tôi bế cháu Nguyễn Hồng L về mục đích để cho chị H theo về nhưng chị H cương quyết không về. Gia đình bà không tranh giành cháu vì cháu đang còn nhỏ. Nên Tòa án giải quyết cho chị H được quyền nuôi con, gia đình bà sẽ giao cháu L lại cho chị H; nếu chị H không nuôi được thì gia đình bà sẵn sàng nuôi cháu.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

* Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đ thực hiện không đầy đủ các quy định của pháp luật đối với quyền và nghĩa vụ của mình, có một số buổi hòa giải không có mặt theo nội dung thông báo hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Nguyễn Xuân Đ nhưng anh Đ đã được triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 để xét xử vắng mặt anh Đ là đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung:

Chị H và anh Đ kết hôn với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn UBND xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/3/2018, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng bố mẹ anh Đ, đến tháng 10/2018 chị H phát hiện anh Đ nhắn tin với nhiều người phụ nữ khác trên mức bạn bè thông thường nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và chị H đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Chị H xác định tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Theo anh Đ trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng bố mẹ anh Đ tại Tiểu khu VY, thị trấn NC, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian sống chung, vợ chồng không có mâu thuẫn gì mà chị H tự động đưa con đi đâu hai bên gia đình nội ngoại không rõ. Anh cho rằng chị H đã bỏ nhà đưa con theo người đàn ông khác. Sau khi đi một thời gian, chị H đã đưa con quay về nhà mẹ đẻ ở nên bố mẹ anh Đ đã đến đón con chung về chăm sóc. Anh cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh vẫn còn tình cảm với chị H, vì vậy anh không đồng ý ly hôn mà đề nghị vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Căn cứ vào các chứng cứ chị H xuất trình tại Tòa án về việc anh Đ có nhắn tin trên mức tình cảm bạn bè thông thường với nhiều người phụ nữ khác và việc Tòa án tiến hành phiên hòa giải nhiều lần nhưng anh Đ không có mặt khi đã nhận được thông báo về phiên hòa giải. Điều đó chứng tỏ anh Đ không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị H được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung tên là Nguyễn Hồng L, sinh ngày 05/10/2018, khi chị H về nhà mẹ đẻ ở thì đưa cháu L đi theo. Đến tháng 10/2020 bố mẹ anh Đ đã đến đón con về nhà chăm sóc khi không được sự đồng ý của chị H.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy cháu Nguyễn Hồng L sinh ngày 05/10/2018 đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và giao con chung của vợ chồng cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét mà dành quyền cho các bên đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 30/3/2018; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chưa thực sự quan tâm đến nhau. Sau khi cưới chị H ở nhà cùng bố mẹ chồng, còn anh Đ tiếp tục theo học Đại học ở Hà Nội. Sau khi học xong, anh ở lại Hà Nội làm việc. Vợ chồng tiếp tục sống xa nhau, khi xa nhau anh chị không đặt niềm tin vào nhau, luôn nghi ngờ người khác có quan hệ ngoại tình. Tòa án đã yêu cầu anh Đ, chị H xuất trình các tài liệu chứng cứ thể hiện anh, chị có quan hệ ngoại tình. Về phía chị H đã xuất trình cho Tòa án các tài liệu được in ra từ điện thoại thể hiện anh Đ đã nhắn tin cho nhiều bạn gái trên mức tình bạn. Về phía anh Đ không xuất trình cho Tòa án được tài liệu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải lần thứ nhất để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị H cương quyết xin được ly hôn, còn anh Đ xin đoàn tụ. Ngày 04 tháng 11 năm 2020 Tòa án đã thông báo cho chị H, anh Đ đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh Đ, chị H đã nhận được thông báo nhưng anh Đ không đến Tòa án để làm việc. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, anh Đ có nguyện vọng được đoàn tụ nhưng không đến tham gia buổi hòa giải của Tòa án, điều này chứng tỏ anh Đ không thiết tha níu kéo hạnh phúc gia đình. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Đ có 1 con chung là Nguyễn Hồng L, sinh ngày 05/10/2018. Ly hôn anh, chị đều có nguyện vọng xin được nuôi con, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cha, mẹ được nuôi con là chính đáng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải

đánh giá toàn diện về mọi mặt và trên quan điểm vì lợi ích của con trẻ để giao nuôi con cho phù hợp. Trong trường hợp này con của anh, chị chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hồng L, sinh ngày 05/10/2018 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh Nguyễn Xuân Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002234 ngày 14/10/2020, chấp nhận chị H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị H, vắng mặt anh Đ. Chị H được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS;
- UBND xã Vạn Thắng, Nông Công;
- Lưu hồ sơ; Lưu VT. DL13.

Võ Kỳ Anh